

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 503/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Võ Thị Thanh Nga
- Ông Nguyễn Văn Thịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thức – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận – Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 431/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 202 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Diệu K, sinh năm 1985

Địa chỉ: Căn hộ A chung cư O Hồ N, Phường I, quận P, Tp ..

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Căn hộ A, Block O, Chung cư O số A Hồ N, Phường I, quận P, Tp ..

(Tất cả đương sự vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn xin ly hôn và các ý kiến trình bày tiếp sau đó, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu K trình bày:

Bà và ông Phạm Văn H trước đây có đăng ký kết hôn nhưng không có đám cưới, nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau do bất đồng quan điểm nên ông, bà đã nộp đơn xin ly hôn và được Toà án giải quyết cho ly hôn theo Quyết định số 1083/2013/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2013 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Tp .. Sau khi ly hôn, ông, bà vẫn giữ mối quan hệ bạn bè, thường xuyên qua lại với nhau.

Đến đầu năm 2022, ông, bà bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn, vì giữa ông, bà vẫn còn có những bất đồng trong cuộc sống. Nhận thấy không thể hoà hợp với nhau được nữa nên từ tháng 4/2023 đến nay, ông, bà đã tự sống ly thân mỗi người ở một nơi. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông **Phạm Văn H** là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Thời gian sống chung bà và ông **Phạm Văn H** có 01 con chung tên **Phạm Nguyễn Nhật K1**, sinh ngày 29/9/2022. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Yêu cầu ông **Phạm Văn H** cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà xác định bà và ông **Phạm Văn H** không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2023 và các biên bản tiếp sau đó, bị đơn – ông **Phạm Văn H** trình bày:

Ông và bà **Nguyễn Thị Diệu K** tự nguyện chung sống với nhau đúng như lời trình bày của bà **K**. Sau khi ly hôn, đầu năm 2022, ông và bà **K** có trở lại chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn vì còn nhiều bất đồng. Thời điểm chung sống với nhau đến nay, cả hai chưa ai có vợ chồng hoặc có đăng ký kết hôn với ai, do quá trình chung sống sau này có phát sinh mâu thuẫn, hai bên không còn có tiếng nói chung, bất đồng trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, ông và bà **K** không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông đồng ý với yêu cầu của bà **K** đề nghị Toà án không công nhận quan hệ giữa ông và bà **K** là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Ông xác nhận ông và bà **K** có 01 con chung tên **Phạm Nguyễn Nhật K1**, sinh ngày 29/9/2022. Ông đồng ý giao con chung cho bà **Nguyễn Thị Diệu K** trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thi hành vào ngày 01 dương hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông xác định ông và bà **K** không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã tổ chức hoà giải về con chung và tài sản chung, bà **Nguyễn Thị Diệu K** và ông **Phạm Văn H** vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

Tại phiên tòa, các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật

của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Diệu K và ông Phạm Văn H chung sống với nhau từ năm 2022 và không đăng ký kết hôn. Bà Nguyễn Thị Diệu K yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông Phạm Văn H là quan hệ vợ chồng; ông Phạm Văn H đồng ý với yêu cầu của bà K. Do đó, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 14, Điều 15, Điều 16 và các Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu của bà K là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về con chung: Cả hai xác định có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Nhật K1, sinh ngày 29/9/2022. Bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Phạm Văn H đồng ý giao con chung cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thi hành vào ngày 01 Dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 01/8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà K đồng ý mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng ông H đưa ra. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của ông, bà giao con chung cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng; ông H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thi hành vào ngày 01 Dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 01/8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: bà Nguyễn Thị Diệu K và ông Phạm Văn H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết; về án phí LHST: đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Các đương sự vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai nhận của bà K, ông H và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: bà Nguyễn Thị Diệu K và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2022 không có đăng ký kết hôn, tại thời điểm chung sống với nhau chưa ai có vợ hoặc có chồng. Quá trình chung sống giữa bà K và ông H có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Ông, bà đã tự sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà K yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông Phạm Văn H là quan hệ vợ chồng; ông Phạm Văn H đồng ý với yêu cầu của bà K. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà Nguyễn Thị Diệu K và ông Phạm Văn H lại không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ các Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai ông, bà.

[3] Về con chung: Căn cứ lời khai nhận của các đương sự, trích lục đăng ký nhận cha, con; giấy khai sinh số 248/2022 do Ủy ban nhân dân Phường 1, quận P cấp ngày 07/12/2022 có cơ sở xác định: bà Nguyễn Thị Diệu K và ông Phạm Văn H có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Nhật K1, sinh ngày 29/9/2022. Bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Phạm Văn H đồng ý giao con chung cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thi hành vào ngày 01 Dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 01/8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Bà K đồng ý mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng ông H đưa ra. Do đó, căn cứ các Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình ghi nhận sự thỏa thuận của bà K và ông H giao con chung cho bà Nguyễn Thị Diệu K trực tiếp nuôi dưỡng; ông Phạm Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thi hành vào ngày 01 Dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 01/8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: bà Nguyễn Thị Diệu K và ông Phạm Văn H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí LHST: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Diệu K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0022015 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Tp . Ông Phạm Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ phải nộp án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ Điều Điều 14, Điều 15, Điều 16 và các Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

**Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu K.**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Diệu K và ông Phạm Văn H là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Xác định bà Nguyễn Thị Diệu K và ông Phạm Văn H có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Nhật K1, sinh ngày 29/9/2022.

Giao con chung tên Phạm Nguyễn Nhật K1 cho bà Nguyễn Thị Diệu K trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Ông Phạm Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thi hành vào ngày 01 Dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 01/8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Diệu K cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Phạm Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm thi hành quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Phạm Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng ông H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: không xem xét giải quyết.

## **2. Về án phí sơ thẩm:**

- Bà Nguyễn Thị Diệu K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0022015 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Tp ..

- Ông Phạm Văn H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

## **3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.**

## **4. Về quyền kháng cáo của đương sự:**

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND. Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thảo**